

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HS-ST

Ngày: 11-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Chu Thanh Hữu;

Bà Lương Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lăng Thị Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Lệ Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Như Q; sinh ngày 02/12/1988, tại thị xã S, tỉnh T.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Phường T, thành phố S, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Kim T và bà Phạm Thị L; vợ, con: Không; tiền án:

- Ngày 18/01/2007 bị TAND thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 27/8/2007 bị TAND thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản và 09 tháng tù giam về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đã thi hành xong án phí vào ngày 23/7/2009, về trách nhiệm dân sự chưa thi hành xong.

- Ngày 30/9/2010 bị TAND huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt 30 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Án phí và trách nhiệm dân sự chưa thi hành xong.

- Ngày 08/12/2010 bị TAND huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt 36 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 26/9/2012 đã thi hành xong án phí, về trách nhiệm dân sự chưa thi hành xong; tiền sự: Không; nhân thân: Đã bị xử lý hình sự 03 lần chưa được xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/10/2018 cho đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Văn T. Tên gọi khác (Nguyễn Văn K); sinh ngày 15/7/1974, tại thị xã S, tỉnh T.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Phường P, thành phố S, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh S và bà Lại Thị L; vợ, con: Không; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Đã bị xét xử 02 lần về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Tội trộm cắp tài sản đã được xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/10/2018 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:*

Anh Lương Văn C, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh L. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ N, phường L, thành phố S, tỉnh T. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Lương Văn E, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện B, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/10/2018 Hoàng Như Q, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn C cùng nhau bắt xe khách đi từ thành phố S, tỉnh T đến cửa khẩu T, huyện V, tỉnh L với mục đích tìm việc làm. Khi đến cửa khẩu T, Hoàng Như Q và Nguyễn Văn T vào phòng trọ của Nguyễn Văn C đã thuê trước đó tại xã T để ở. Đến sáng ngày 28/10/2018, do không tìm được việc làm phù hợp, không có tiền mua ma túy về sử dụng, Nguyễn Văn T đưa đồng hồ đeo tay nhờ Nguyễn Văn C đem đi bán lấy tiền, sau đó Nguyễn Văn C và Hoàng Như Q mang đồng hồ đi bán nhưng chưa

bán được nên Nguyễn Văn C tiếp tục đi bán, còn Hoàng Như Q quay lại phòng trọ. Khi vào khu phòng trọ (gồm 02 dãy phòng trọ quay mặt vào nhau), Hoàng Như Q thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng - nâu - xám của Lương Văn C sinh năm 1994 trú tại thôn T, xã N, huyện V đang dựng ở trước cửa phòng trọ của Lương Văn C. Thấy cửa phòng trọ đang khép, trong ổ khóa cắm 01 chùm chìa khóa móc ở cửa phòng trọ (trong chùm chìa khóa có chìa khóa xe mô tô), lúc này Hoàng Như Q quan sát xung quanh không thấy có ai nên nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mô tô trên. Hoàng Như Q lấy chùm chìa khóa và đi vào phòng trọ của Nguyễn Văn C nói với Nguyễn Văn T “*có xe đây, anh về không*”, đồng thời gởi chìa khóa xe cho Nguyễn Văn T xem. Nguyễn Văn T hiểu ý là lấy trộm xe nên thu xếp quần áo vào túi và đi ra làm nhiệm vụ canh giới, còn Hoàng Như Q cắm chìa khóa xe vào ổ điện dắt xe ra khỏi dãy phòng trọ rồi nổ máy điều khiển xe cùng Nguyễn Văn T đi theo quốc lộ 1A về thành phố T mục đích bán lấy tiền tiêu sài, khi đi đến đoạn thuộc địa phận xã Y, huyện C, tỉnh L, xe mô tô do Hoàng Như Q điều khiển đi với tốc độ cao nên đã tự ngã. Hoàng Như Q bị gãy xương đòn vai phải và xương sườn số 6 bên phải, Nguyễn Văn T bị xây xước nhẹ. Lực lượng chức năng đưa Nguyễn Văn T và Hoàng Như Q cùng tang vật là chiếc xe mô tô về Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh L để lập biên bản sự việc, thu giữ đồ vật, tang vật bao gồm: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng - nâu - xám, 01 chùm chìa khóa và chiếc điện thoại nokia 1110i màu trắng, viền màu đen, kèm 01 sim viettel tạm giữ của Nguyễn Văn T.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 29/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn thống nhất giá trị còn lại của tài sản là: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng - nâu - xám, mua tháng 01/2014 (đăng ký ngày 24/01/2014) với giá 24.000.000 đồng. Qua 57 tháng sử dụng, giá trị còn lại của tài sản là 12.600.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị can Hoàng Như Q và Nguyễn Văn T đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của bản thân.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave và 01 chùm chìa khóa, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lương Văn C. Ngày 16/11/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Lãng trả lại tài sản cho chủ sở hữu là anh Lương Văn C.

Đối với 01 chiếc điện thoại Nokia 1110i đã thu giữ trong vụ án chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKS-HS ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn để xét xử về Tội

trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Hoàng Như Q ra trước Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn để xét xử về Tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo Hoàng Như Q, Nguyễn Văn T về Tội trộm cắp tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án tù 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù giam; áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Như Q từ 03 (ba) năm tù đến 04 (bốn) năm tù giam.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Xác nhận ngày 16/11/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện Văn Lãng đã trả 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX màu trắng đen và 01 chùm chìa khóa có móc, trong đó có 01 chìa khóa xe máy; 01 chìa khóa Việt Pháp; 01 chìa khóa Hà Nội; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lương Văn C là chủ sở hữu.

Trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự bị hại anh Lương Văn C không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản.

Án phí các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đồng thời hoàn toàn phù hợp với biên bản thu giữ đồ vật, phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Ngày 28/10/2018 tại xã T, huyện V, tỉnh L, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, các bị cáo Hoàng Như Q và Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe mô tô. Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 29/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn thống nhất giá trị còn lại của tài sản là: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng - nâu - xám, mua tháng 01/2014 (đăng ký ngày 24/01/2014) với giá 24.000.000 đồng. Qua 57 tháng sử dụng, giá trị còn lại của tài sản là 12.600.000 đồng của anh Lương Văn C sinh năm 1994. Bị cáo Hoàng Như Q là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, Nguyễn Văn T làm nhiệm vụ cảnh giới. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự và thuộc trường hợp nghiêm trọng, cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Nhận thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Hoàng Như Q theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự về tội trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó gây mất trật tự trị an của địa phương, gây bất bình trong dư luận xã hội. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, mắc vào tệ nạn xã hội, mục đích phục vụ lợi ích sử dụng ma túy và tiêu sài của bản thân nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì thế các bị cáo phải chịu hình phạt nhất định tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Trong vụ án này các bị cáo Hoàng Như Q, Nguyễn Văn T tham gia với vai trò đồng phạm, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn và vai trò các bị cáo tham gia trong vụ án như nhau, để cá thể hoá hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội nêu trên. Để có mức án thỏa đáng đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo như sau:

[4] Đối với bị cáo Hoàng Như Q đã có 4 tiền án trong đó 3 tiền án về Tội trộm cắp tài sản và 1 tiền án về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, về trách nhiệm dân sự chưa thi hành xong; tiền sự: Không; nhân thân xấu chưa được

xóa án tích, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội và đi ngược lại lợi ích của cộng đồng. Nhưng do nghiện chất ma túy, không có tiền mua ma túy sử dụng nên bị cáo đã bất chấp, coi thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước, lao sâu vào con đường phạm tội. Bị cáo đã có 4 tiền án sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương bị cáo không chịu làm ăn lương thiện lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Với hành vi phạm tội của bị cáo nêu trên thấy rằng có căn cứ để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài đủ để làm bài học răn đe đối với bị cáo và những người khác. Ngoài tình tiết định khung hình phạt thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T với vai trò giúp sức, cảnh giới cho bị cáo Hoàng Như Q thực hiện tội phạm, về nhân thân xấu ngày 27/02/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt 24 tháng tù giam về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Ngày 30/9/2010 Tòa án nhân dân thị xã Sông Công (nơi nhận ủy thác) ra Quyết định miễn thi hành án (khoản án phí) đối với Nguyễn Văn T, phần trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại về tài sản do người được thi hành án không có đơn yêu cầu thi hành án đến nay đã hết thời hiệu. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà bị cáo lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản. Với các hành vi của bị cáo gây ra Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì “người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Hội đồng xét xử xét thấy bản thân các bị cáo là người nghiện ma túy, không sở hữu tài sản gì, sống phụ thuộc gia đình (thể hiện tại biên bản xác minh ngày 13/12/2018 tại Ủy ban nhân dân phường T và biên bản xác minh ngày 12/12/2018 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố S, tỉnh T). Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Đối với Nguyễn Văn C, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng Nguyễn Văn C không có mặt tại địa phương, cũng như không có mặt tại phòng trọ nơi Nguyễn Văn C đã thuê của bà Đào Thị H tại xã T. Kết quả lời khai

của các bị cáo Hoàng Như Q và Nguyễn Văn T cho biết trước và trong khi thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô, cả hai không được bàn bạc với Nguyễn Văn C và không nói cho Nguyễn Văn C biết về việc cả hai trộm xe máy nên Nguyễn Văn C không liên quan trong vụ án này.

[8] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, đề nghị về mức hình phạt, tình tiết giảm nhẹ, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, nên được chấp nhận.

[9] Xử lý vật chứng: Căn cứ theo khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét thấy cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, xác nhận Cơ quan điều tra đã trao trả 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX màu trắng đen và 01 chùm chìa khóa có móc, trong đó có 01 chìa khóa xe máy; 01 chìa khóa Việt Pháp; 01 chìa khóa Hà Nội; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 005051 mang tên Lương Văn C là chủ sở hữu hợp pháp được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả cho bị cáo Nguyễn Văn T.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu gì thêm, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Như Q phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và điểm của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T;

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Như Q;

Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Như Q phạm Tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù giam, thời hạn tính từ ngày 29 tháng 10 năm 2018.

Xử phạt bị cáo Hoàng Như Q 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tính từ ngày 29 tháng 10 năm 2018.

2. Xử lý vật chứng: Xác nhận ngày 16/11/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện Văn Lãng đã trả 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX màu trắng đen và 01 chùm chìa khóa có móc, trong đó có 01 chìa khóa xe máy; 01 chìa khóa Việt Pháp; 01 chìa khóa Hà Nội; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lương Văn C là chủ sở hữu.

Trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i đã qua sử dụng cho bị cáo Nguyễn Văn T (vật chứng trên hiện được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/01/2019)

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Như Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND Huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- CQĐT Công an Huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- THAHS Huyện Văn Lãng tỉnh Lạng Sơn;
- Nhà tạm giữ CA Huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Bị hại, người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Tiễn